



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

tôi

eu

bạn
đại từ

ti

anh ấy

el

cô ấy

ela

nó

iso

chúng tôi / chúng ta

nós

các bạn

vós

họ

eles

cái gì

que

ai

quen

ở đâu

onde

tại sao

por que

làm sao

como

cái nào

cal

lúc nào

cando

sau đó

entón

nếu

se

thật sự

realmente

nhưng

pero

bởi vì

porque

không

non

này

isto

đó
vật

ese

tất cả

todo

hoặc

ou

và

e

đây

aquí

đó
địa điểm

alí

trái

esquerda

phải

dereita

bây giờ

agora

buổi chiều

F
tarde
tardes

buổi sáng
9:00-11:00

F
mañá
mañás

ban đêm

F
noite
noites

buổi sáng
6:00-9:00

F
madrugada
madrugadas

buổi tối

F
tardiña
tardiñas

buổi trưa

M
mediodía
mediodías

nửa đêm

F
medianoite
medianoites

giờ

F
hora
horas

phút

M
minuto
minutos

giây

M
segundo
segundos

ngày

M
día
días

tuần

F
semana
semanas

tháng

M
mes
meses

năm

M
ano
anos

hôm qua

onte

hôm nay

hoxe

ngày mai

mañana

thứ hai
ngày

M
luns
luns

thứ ba
ngày

M
martes
martes

thứ tư
ngày

M
mércores
mércores

thứ năm

M
xoves
xoves

thứ sáu

M
venres
venres

thứ bảy

M
sábado
sábados

chủ nhật

M
domingo
domingos

đàn bà

F
muller
mulleres

đàn ông

M
home
homes

tình yêu

M
amor
amores

bạn trai

M
mozo
mozos

bạn gái

F
moza
mozas

bạn
danh từ

M
amigo
amigos

hôn
danh từ

M
beixo
beixos

tình dục

M
sexo
sexos

trẻ em

M
nenô
nenos

con gái
đại cương

F
rapaza
rapazas

con trai
đại cương

M
rapaz
rapaces

mẹ

F
mamá
mamás

ba

M
papá
papás

má
mẹ

F
nai
nais

cha

M
pai
pais

cha mẹ

M
pais
pais

con trai
gia đình

M
fillo
fillos

con gái
gia đình

F
filla
fillas

em gái

F
irmá pequena
irmás pequenas

em trai

M
irmán pequeno
irmáns pequenos

chị gái

F
irmá maior
irmás maiores

anh trai

M
irmán maior
irmáns maiores

chồng

M
home
homes

vợ

F
muller
mulleres

mỗi / mọi

cada

luôn luôn

sempre

thực ra

en realidade

lần nữa

de novo

đã

xa

ít hơn

menos

phần lớn

a maioria

nhiều hơn

máis

không có

ningún

rất

moito

ở ngoài

fóra

ở trong

dentro

xa

lonxe

gần

próximo

bên dưới

debaixo

bên trên

enriba

bên cạnh

ao lado

phía trước

adiante

phía sau

atrás

mọi người

todos

cùng nhau

xuntos

khác

outros

mùa xuân

F
primavera
primaveras

mùa hè

M
verán
veráns

mùa thu

M
outono
outonos

mùa đông

M
inverno
invernos

tháng một

M
xaneiro
xaneiros

tháng hai

M
febreiro
febreiros

tháng ba

M
marzo
marzos

tháng tư

M
abril
abrís

tháng năm

M
maio
maíos

tháng sáu

M
xuño
xuños

tháng bảy

M
xullo
xullos

tháng tám

M
agosto
agostos

tháng chín

M
setembro
setembros

tháng mười

M
outubro
outubros

tháng mười một

M
novembro
novembros

tháng mười hai

M
decembro
decembros

bắc

norte

đông

leste

nam

sur

tây

thường xuyên

ngay lập tức

oeste

a miúdo

imediatamente

đột ngột

mặc dù

de súpeto

aínda que

Số

0

cero

1

un

2

dous

3

tres

4

catro

5

cinco

6

seis

7

sete

8

oito

9

nove

10

dez

11

once

12

doce

13

trece

14

catorce

15

quince

16

dezaseis

17

dezasete

18

dezoito

19

dezanove

20

vinte

21

vinte e un

22

vinte e dous

26

vinte e seis

30

trinta

31

trinta e un

33

trinta e tres

37

trinta e sete

40

corenta

41

corenta e un

44

corenta e catro

48

corenta e oito

50

cincuenta

51

cincuenta e un

55

cincuenta e cinco

59

cincuenta e nove

60

sesenta

61

sesenta e un

62

sesenta e dous

66

sesenta e seis

70

setenta

71

setenta e un

73

setenta e tres

77

setenta e sete

80

oitenta

81

oitenta e un

84

oitenta e catro

88

oitenta e oito

90

noventa

91

noventa e un

95

noventa e cinco

99

noventa e nove

100

cen

101

cento un

105

cento cinco

110

cento dez

151

cento cincuenta e un

200

douscentos

202

douscentos dous

206

douscentos seis

220

douscentos vinte

262

douscentos sesenta e dous

300

trescentos

303

trescentos tres

307

trescentos sete

330

trescentos trinta

373

trescentos setenta e tres

400

catrocentos

404

catrocentos catro

408

catrocentos oito

440

catrocentos corenta

484

catrocentos oitenta e catro

500

cincocentos

505

cincocentos cinco

509

cincocentos nove

550

cincocentos cinquenta

595

cincocentos noventa e cinco

600

seiscentos

601

seiscentos un

606

seiscentos seis

616

seiscentos dezaseis

660

seiscentos sesenta

700

setecentos

702

setecentos dous

707

setecentos sete

727

setecentos vinte e sete

770

setecentos setenta

800

oitocentos

803

oitocentos tres

808

oitocentos oito

838

oitocentos trinta e oito

880

oitocentos oitenta

900

novecentos

904

novecentos catro

909

novecentos nove

949

novecentos corenta e nove

990

novecentos noventa

1000

mil

1001

mil un

1012

mil doce

1234

mil douscentos trinta e catro

2000

dous mil

2002

dous mil dous

2023

dous mil vinte e tres

2345

dous mil trescentos corenta
e cinco

3000

tres mil

3003

tres mil tres

4000

catro mil

4045

catro mil corenta e cinco

5000

cinco mil

5678

cinco mil seiscientos setenta
e oito

6000

seis mil

7000

sete mil

7890

sete mil oitocentos noventa

8000

oito mil

8901

oito mil novecentos un

9000

nove mil

9090

nove mil noventa

10.000

dez mil

10.001

dez mil un

20.020

vinte mil vinte

30.300

trinta mil trescentos

44.000

corenta e catro mil

100.000

cen mil

500.000

cincocentos mil

1.000.000

un millón

6.000.000

seis millóns

10.000.000

dez millóns

70.000.000

setenta millóns

100.000.000

cen millóns

800.000.000

oitocentos millóns

1.000.000.000

mil millóns

9.000.000.000

nove mil millóns

10.000.000.000

dez mil millóns

20.000.000.000

vinte mil millóns

100.000.000.000

cen mil millóns

300.000.000.000

trescentos mil millóns

1.000.000.000.000

un billón

Động từ

biết

coñecer

coñezo, coñecín, coñecido

nghĩ

pensar

penso, pensei, pensado

đến

vir

veño, vin, vido

đặt

poñer

poño, puxen, posto

lấy

coller

collo, collín, collido

tìm

atopar

atopo, atopei, atopado

nghe

escoitar

escoito, escoitei, escoitado

làm việc

traballar

traballo, traballei, traballado

nói chuyện

falar

falo, falei, falado

cho

dar

dou, dei, dado

thích

gustar

gusto, gostei, gustado

giúp đỡ

axudar

axudo, axudei, axudado

yêu

amar
amo, ameí, amado

gọi

chamar
chamo, chamei, chamado

chờ đợi

esperar
espero, esperei, esperado

đứng

erguer
ergo, erguín, erguido

ngồi

sentar
sento, sentei, sentado

đóng

cerrar
cerro, cerrei, cerrado

mở
cửa

abrir
abro, abrí, abierto

thua

perder
perdo, perdín, perdido

thắng

gañar
gaño, gañei, gañado

chết

morrer
morro, morrín, morrido

sống
động từ

vivir
vivo, vivín, vivido

bật

acender
acendo, acendín, acendido

tắt

apagar
apago, apaguei, apagado

giết

matar
mato, matei, matado

làm bị thương

mancar
manco, manquei, mancado

chạm

tocar
toco, toquei, tocado

xem

ver
vexo, vin, visto

uống

beber
bebo, bebín, bebido

ăn

comer
como, comín, comido

đi bộ

camiónar
camiño, camiñei, camiñado

gặp

encontrar
encontro, encontrei, encontrado

đặt cược

apostar
aposto, apostei, apostado

hôn
động từ

bicar
bico, biquei, bicado

đi theo

seguir
sigo, seguín, seguido

cưới

casar
caso, casei, casado

trả lời

responder
respondo, respondín, respondido

hỏi

preguntar
pregunto, preguntei, preguntado

kéo

tirar
tiro, tirei, tirado

đẩy

empurrar
empurro, empurrei, empurrado

ấn

premer
premo, premín, premido

đánh

golpear
golpeo, golpeei, golpeado

bắt

atrapar
atrapo, atrapei, atrapado

chiến đấu

loitar
loito, loitei, loitado

ném

lanzar
lanzo, lanzei, lanzado

chạy
động từ

correr
corro, corrín, corrido

đọc

ler
leo, lin, lido

viết

escribir

escribo, escribín, escrito

sửa chữa

amañar

amaño, amañei, amañado

đếm

contar

conto, contei, contado

cắt

cortar

corto, cortei, cortado

bán

vender

vendo, vendín, vendido

mua

comprar

compro, comprei, comprado

trả

pagar

pago, paguei, pagado

học

estudar

estudo, estudei, estudado

mơ

soñar

soño, soñei, soñado

ngủ

dormir

durmo, durmín, durmido

chơi

xogar

xogo, xoguei, xogado

ăn mừng

celebrar

celebro, celebrei, celebrado

thưởng thức

desfrutar

desfruto, disfrutei, disfrutado

dọn dẹp

limpar

limpo, limpei, limpado

bắn

disparar

disparo, disparei, disparado

bảo vệ

defender

defendo, defendín, defendido

tấn công

atacar

ataco, ataquei, atacado

trộm

roubar

roubo, roubei, roubado

đốt

queimar

queimo, queimei, queimado

cứu

rescatar

rescato, rescatei, rescatado

bay

voar

voo, voei, voado

khạc nhổ

cuspir

cuspo, cuspin, cuspidado

đá

động từ

patear

pateo, pateei, pateado

cắn

morder

mordo, mordín, mordido

thở

respirar

respiro, respirei, respirado

ngửi

ulir

ulo, ulín, ulido

khóc

chorar

choro, chorei, chorado

hát

cantar

canto, cantei, cantado

cười mỉm

sorrir

sorrío, sorrín, sorriso

cười

rir

río, rin, rido

lớn lên

medrar

medro, medrei, medrado

co lại

encoller

encollo, encollín, encollido

tranh luận

discutir

discuto, discutín, discutido

chia sẻ

compartir

comparto, compartín, compartido

cho ăn

alimentar

alimento, alimentei, alimentado

trốn

esconder

escondo, escondín, escondido

cảnh báo

advertir

advirto, advertín, advertido

bơi

nadar

nado, nadei, nadado

nhảy

saltar

salto, saltei, saltado

nâng

levantar

levanto, levantei, levantado

đào

cavar

cavo, cavei, cavado

giao hàng

entregar

entrego, entreguei, entregado

tìm kiếm

buscar

busco, busquei, buscado

luyện tập

practicar

practico, practiquei, practicado

đi du lịch

viajar

viaxo, viaxei, viaxado

vẽ

pintar

pinto, pinteí, pintado

mở

khóa

abrir

abro, abrí, abierto

khóa

pechar

pecho, pechei, pechado

rửa

lavar
lavo, lavei, lavado

cầu nguyện

rezar
rezo, recei, rezado

nấu ăn

cocinar
cociño, cociñei, cociñado

nôn

vomitar
vomito, vomitei, vomitado

la hét

gritar
grito, gritei, gritado

trích dẫn

citar
cito, citei, citado

in

imprimir
imprimo, imprimín, impreso

tính toán

calcular
calculo, calculei, calculado

kiếm tiền

gañar
gaño, gañei, gañado

Tính từ

mới

novo
novo, nova, novos, novas

cũ

vello
vello, vella, vellos, vellas

ít

poucos

nhiều

moitos

sai

incorrecto
incorrecto, incorrecta, incorrectos, incorrectas

chính xác

correcto
correcto, correcta, correctos, correctas

xấu

malo
malo, mala, malos, malas

tốt

bo
bo, boa, bos, boas

hạnh phúc

contento
contento, contenta, contentos, contentas

ngắn

curto
curto, curta, curtos, curtas

dài

longo
longo, longa, longos, longas

nhỏ

pequeno
pequeno, pequena, pequenos, pequenas

lớn
to

grande

grande, grande, grandes, grandes

xinh đẹp

fermoso

fermoso, hermosa, hermosos,
hermosas

trẻ

mozo

mozo, moza, mozos, mozas

già

vello

vello, vella, vellos, vellas

màu trắng

branco

branco, branca, brancos, brancas

màu đen

negro

negro, negra, negros, negras

màu đỏ

vermello

vermello, vermella, vermellos,
vermellos

màu xanh da trời

azul

azul, azul, azuis, azuis

màu xanh lá cây

verde

verde, verde, verdes, verdes

màu vàng

amarelo

amarelo, amarela, amarelos,
amarelas

chậm

lento

lento, lenta, lentos, lentas

nhanh

rápido

rápido, rápida, rápidos, rápidas

vui vẻ

gracioso
gracioso, graciosa, graciosos, graciasas

không công bằng

inxusto
inxusto, inxusta, inxustos, inxustas

công bằng

xusto
xusto, xusta, xustos, xustas

khó

difícil
difícil, difícil, difíciles, difíciles

dễ

fácil
fácil, fácil, fáciles, fáciles

giàu

rico
rico, rica, ricos, ricas

nghèo

pobre
pobre, pobre, pobres, pobres

khỏe

forte
forte, forte, fortes, fortes

yếu

débil
débil, débil, débiles, débiles

an toàn

seguro
seguro, segura, seguros, seguras

mệt mỏi

canso
canso, cansa, cansos, cansas

tự hào

orgullosa
orgullosa, orgullosa, orgullosos, orgullosas

no bụng

farto
farto, farta, fartos, fartas

bệnh

enfermo
enfermo, enferma, enfermos,
enfermas

khỏe mạnh

san
san, sa, sans, sas

tức giận

enfadado
enfadado, enfadada, enfadados,
enfadadas

thấp
đại cương

baixo
baixo, baixa, baixos, baixas

cao
đại cương

alto
alto, alta, altos, altas

ngọt

doce
doce, doce, doces, doces

chua

acedo
acedo, aceda, acedos, acedas

mềm

brando
brando, branda, brandos, brandas

cứng

duro
duro, dura, duros, duras

đáng yêu

riquiño
riquiño, riquiña, riquiños, riquiñas

ngu ngốc

estúpido
estúpido, estúpida, estúpidos,
estúpidas

điên khùng

tolo

tolo, tola, tolos, tolas

bận rộn

ocupado

ocupado, ocupada, ocupados,
ocupadas

cao

người

alto

alto, alta, altos, altas

thấp

người

lo lắng

preocupado

preocupado, preocupada,
preocupados, preocupadas

ngạc nhiên

sorprendido

sorprendido, sorprendida,
sorprendidos, sorprendidas

cư xử tốt

educado

educado, educada, educados,
educadas

ác độc

malvado

malvado, malvada, malvados,
malvadas

khéo léo

intelixente

intelixente, intelixente, intelixentes,
intelixentes

lạnh

frío

frío, fría, fríos, frías

nóng

quente

quente, quente, quentes, quentes

màu cam

laranxa

laranxa, laranxa, laranxas, laranxas

màu xám

gris

gris, gris, grises, grises

màu nâu

marrón

marrón, marrón, marróns, marróns

màu hồng

rosa

rosa, rosa, rosas, rosas

nhàm chán

aburrido

aburrido, aburrida, aburridos, aburridas

nặng

pesado

pesado, pesada, pesados, pesadas

nhẹ

lixeiro

lixeiro, lixeira, lixeiros, lixeiras

cô đơn

só

só, soa, sós, soas

đói bụng

famento

famento, famenta, famentos, famentas

khát nước

sedento

sedento, sedenta, sedentos, sedentas

buồn

triste

triste, triste, tristes, tristes

dốc

empinado

empinado, empinada, empinados, empinadas

bằng phẳng

chan

chan, chá, chans, chás

hẹp

estreito

estreito, estreita, estreitos, estreitas

rộng

amplo

amplo, ampla, amplos, amplas

sâu

profundo

profundo, profunda, profundos, profundas

nông

superficial

superficial, superficial, superficiais, superficiais

lớn
rất

enorme

enorme, enorme, enormes, enormes

bẩn

sucio

sucio, sucia, sucios, sucias

sạch sẽ

limpo

limpo, limpa, limpos, limpas

đầy

cheo

cheo, chea, cheos, cheas

trống rỗng

baleiro

baleiro, baleira, baleiros, baleiras

đắt

caro

caro, cara, caros, caras

rẻ

barato

barato, barata, baratos, baratas

quyến rũ

atractivo

atractivo, atractiva, atractivos, atractivas

lười biếng

lacazán

lacazán, lacazana, lacazáns,
lacazanas

dũng cảm

valente

valente, valente, valentes, valentes

hào phóng

xeneroso

xeneroso, xenerosa, xenerosos,
xenerosas

ướt

mollado

mollado, mollada, mollados,
molladas

khô

seco

seco, seca, secos, secas

ồn ào

ruidoso

ruidoso, ruidosa, ruidosos, ruidosas

yên tĩnh

tranquilo

tranquilo, tranquila, tranquilos,
tranquilas

nắng

solleiro

solleiro, solleira, solleiros, solleiras

nhiều mưa

chuvioso

chuvioso, chuviosa, chuviosos,
chuviosas

sương mù
tính từ

bretemoso

bretemoso, bretemosa, bretemosos,
bretemosas

nhiều mây

nubrado

nubrado, nubrada, nubrados,
nubradas

Thể thao

thể dục dụng cụ

F
ximnasia

quần vợt

M
tenis

chạy
danh từ

M
correr

đạp xe

M
ciclismo

đánh golf

M
golf

bóng đá

M
fútbol

bóng rổ

M
baloncesto

bơi lội

F
natación

lặn

M
mergullo

đi bộ đường dài

M
sendeirismo

chạy marathon

F
maratón

ba môn phối hợp

M
triatlon

bóng bàn

M
tenis de mesa

cử tạ

F
halterofilia

quyền anh

M
boxeo

cầu lông

M
bádminton

trượt băng nghệ thuật

F
patinaxe artística

trượt ván tuyết

M
snowboard

trượt tuyết

M
esquí

trượt tuyết băng đồng

M
esquí de fondo

khúc côn cầu trên băng

M
hóckey sobre xeo

bóng chuyền

M
voleibol

bóng ném

M
balonmán

bóng chuyền bãi biển

M
voleibol praia

bóng rugby

^M
rugby

bóng gậy

^M
cricket

bóng chày

^M
béisbol

bóng bầu dục Mỹ

^M
fútbol americano

bóng nước

^M
polo acuático

nhảy cầu

^M
salto de trampolín

lướt sóng

^M
surf

đua thuyền buồm

^F
vela

chèo thuyền

^M
remo

yoga

^M
ioga

khiêu vũ

^F
danza

nhảy dù

^M
paracaidismo

cờ vua

^M
xadrez

đánh bài poker

^M
póker

bowling

^M
birlos

múa ba lê

^M
ballet

Động vật

con lợn

M
porco
porcos

con bò

F
vaca
vacas

con ngựa

M
cabalo
cabalos

con chó

M
can
cans

con cừu

F
ovella
ovellas

con khỉ

M
mono
monos

con mèo

M
gato
gatos

con gấu

M
oso
osos

con gà

F
galiña
galiñas

con vịt

M
pato
patos

con bướm

F
bolboreta
bolboretas

con ong

F
abella
abellas

con cá

M
peixe
peixes

con nhện

F
araña
arañas

con rắn

F
serpe
serpes

con hổ

M
tigre
tigres

con chuột

M
rato
ratos

con thỏ

M
coello
coellos

con sư tử

M
león
leóns

con lừa

M
burro
burros

con voi

M
elefante
elefantes

con chim bồ câu

F
pomba
pombas

con bọ

M
becho
bechos

con muỗi

M
mosquito
mosquitos

con ruồi

F
mosca
moscas

con kiến

F
formiga
formigas

con cá voi

F
balea
baleas

con cá mập

F
quenlla
quenllas

con cá heo

M
golfinho
golfinhos

con ốc sên

M
caracol
caracois

con ếch

F
ra
ras

con gấu trúc

M
oso panda
osos panda

con gấu Bắc cực

M
oso polar
osos polares

con chó sói

M
lobo
lobos

con gấu túi

M
coala
coalas

con chuột túi

M
canguro
canguros

con hươu cao cổ

F
xirafa
xirafas

con cáo

M
raposo
raposos

con hà mã

M
hipopótamo
hipopótamos

con dơi

M
morcego
morcegos

con quạ

F
gralla
grallas

con thiên nga

M
cisne
cisnes

con chim hải âu

F
gaivota
gaivotas

con cú

M
moucho
mouchos

con chim cánh cụt

M
pingüín
pingüíns

con vẹt

M
papagaio
papagaios

con sâu bướm

F
eiruga
eirugas

con chuồn chuồn

F
libélula
libélulas

con mực ống

F
lura
luras

con bạch tuộc

M
polbo
polbos

con cá ngựa

M
cabaliño de mar
cabaliños de mar

con hải cẩu

F
foca
focas

con sứa

F
medusa
medusas

con cua

M
caranguexo
caranguexos

con khủng long

M
dinosaurio
dinosaurios

con rùa cạn

F
tartaruga
tartarugas

con cá sấu

M
crocodilo
crocodilos

Quốc gia

Châu Âu

Europa

Châu Á

Asia

Châu Mỹ

América

Châu Phi

África

Vương quốc Anh

Reino Unido

Tây Ban Nha

España

Thụy sĩ

Suíza

Ý

Italia

Pháp

Francia

Đức

Alemania

Thái Lan

Tailandia

Singapore

Singapur

Nga

Nhật Bản

Israel

Rusia

Xapón

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

India

China

Estados Unidos de América

Mexico

Canada

Chile

México

Canadá

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Brasil

Arxentina

Suráfrica

Nigeria

Nixeria

Ma Rốc

Marrocos

Libya

Libia

Kenya

Kenya

Algeria

Alxeria

Ai Cập

Exipto

New Zealand

Nova Zelandia

Úc

Australia

Cơ thể

đầu

F
cabeza
cabezas

mũi

M
nariz
narices

tóc

M
pelo
pelos

miệng

F
boca
bocas

tai

F
orella
orellas

mắt

M
ollo
ollos

bàn tay

F
man
mans

bàn chân

M
pé
pés

tim

M
corazón
corazóns

não

M
cerebro
cerebros

cổ

M
pESCOZO
pescozos

mông

M
cu
cus

vai

M
ombreiro
ombreiros

đầu gối

M
xeonllo
xeonllos

chân

F
perna
pernas

tay

M
brazo
brazos

bụng

F
barriga
barrigas

ngực

M
seo
seos

lưng

M
lombo
lombos

răng

M
dente
dentes

lưỡi

F
lingua
linguas

môi

M
beizo
beizos

ngón tay

M
dedo
dedos

ngón chân

F
deda
dedas

dạ dày

M
estómago
estómagos

phổi

M
pulmón
pulmóns

gan

M
fígado
fígados

dây thần kinh

M
nervio
nervios

thận

M
ril
riles

ruột

M
intestino
intestinos

trán

F
fronte
frontes

cằm

M
queixo
queixos

má
cơ thể

F
meixela
meixelas

râu

F
barba
barbas

ngón cái

M
polgar
polgares

ngón tay út

M
dedo maimiño
dedos maimiños

ngón tay đeo nhẫn

M
dedo anular
dedos anulares

ngón tay giữa

M
dedo medio
dedos medios

ngón tay trỏ

M
dedo índice
dedos índices

móng tay

F
uña
uñas

gót chân

M
talón
talóns

xương sống

F
columna vertebral
columnas vertebrais

cơ bắp

M
músculo
músculos

xương
cơ thể

M
óso
ósos

bộ xương

M
esqueleto
esqueletos

xương sườn

F
costela
costelas

đốt sống

F
vértebra
vértebras

bàng quang

F
vexiga
vexigas

tĩnh mạch

F
vea
veas

động mạch

F
arteria
arterias

âm đạo

F
vagina
vaxinas

tinh trùng

M
esperma
espermas

dương vật

M
pene
penes

tinh hoàn

M
testículo
testículos

Ngôi nhà

cửa

F
porta
portas

nhà bếp

F
cociña
cociñas

phòng tắm

M
cuarto de baño
cuartos de baño

phòng khách

F
sala de estar
salas de estar

phòng ngủ

M
dormitorio
dormitorios

vườn

M
xardín
xardíns

gara

M
garaxe
garaxes

tường

F
parede
paredes

tầng hầm

M
soto
sotos

nhà vệ sinh
nhà ở

M
aseo
aseos

cầu thang

F
escaleira
escaleiras

mái nhà

M
tellado
tellados

cửa sổ
tòa nhà

F
fiestra
fiestras

dao

M
coitelo
coitelos

tách

M
taza
tazas

ly

M
vaso
vasos

đĩa

M
prato
pratos

cốc

F
copa
copas

thùng rác

M
cubo do lixo
cubos do lixo

tô

F
cunca
cuncas

bàn
văn phòng

M
escritorio
escritorios

giường

F
cama
camas

gương

M
espello
espellos

vòi hoa sen

F
ducha
duchas

ghế xô pha

M
sofá
sofás

ảnh

F
foto
fotos

đồng hồ

M
reloxo
reloxos

bàn
nhà

F
mesa
mesas

ghế
nhà

F
cadeira
cadeiras

hàng xóm

M
veciño
veciños

thang máy

M
ascensor
ascensores

ban công

M
balcón
balcóns

gác xép

M
faiado
faiados

ống khói

F
cheminea
chemineas

muỗng gỗ

F
culler de madeira
culleres de madeira

đũa

M
palillo
palillos

bộ dao nĩa

M
cubertos
cubertos

muỗng

F
culler
culleres

nĩa

M
garfo
garfos

cái vá

M
cazo
cazos

nồi

F
pota
potas

chảo

F
tixola
tixolas

bóng đèn

F
lámpada
lámpadas

giá sách

F
librería
librerías

rèm

F
cortina
cortinas

nệm

M
colchón
colchóns

gối

F
almofada
almofadas

chăn

F
manta
mantas

kệ

M
estante
estantes

ngăn kéo

M
caixón
caixóns

tủ quần áo

M
roupeiro
roupeiros

xô

M
balde
baldes

chổi

F
vasoira
vasoiras

cái cân

F
báscula
básculas

giỏ đựng đồ giặt

F
cesta da coada
cestas da coada

bồn tắm

F
bañeira
bañeiras

khăn tắm
to lớn

F
toalla de baño
toallas de baño

xà phòng

M
xabón
xabóns

giấy vệ sinh

M
papel hixiénico
papeis hixiánicos

khăn tắm
nhỏ bé

F
toalla
toallas

bồn rửa mặt

M

lavabo

lavabos

cái thang

F

escada

escadas

hộp thư

F

caixa do correo

caixas do correo

hàng rào

M

valado

valados

Thức ăn

trứng

M
ovo
ovos

phô mai

M
queixo
queixos

sữa

M
leite
leites

cá

M
peixe
peixes

thịt

F
carne
carnes

xương
món ăn

M
óso
ósos

dầu

M
aceite
aceites

bánh mì

M
pan
pans

đường
món ăn

M
azucres
azucres

sô cô la

M
chocolate
chocolates

kẹo

M
caramelo
caramelos

bánh bông lan

F
torta
tortas

nước

F
auga
augas

cà phê

M
café
cafés

trà

M
té
tés

bia

F
cervexa
cervexas

rượu nho

M
viño
viños

sa lát

F
ensalada
ensaladas

súp

F
sopa
sopas

món tráng miệng

F
sobremesa
sobremesas

bữa ăn sáng

M
almorzo
almorzos

bữa trưa

M
xantar
xantares

bữa tối

F
cea
ceas

pizza

F
pizza
pizzas

kem

M
xeado
xeados

bơ

F
manteiga
manteigas

sữa chua

M
iogur
iogures

cá ngừ

M
atún
atúns

cá hồi

M
salmón
salmóns

giăm bông

M
xamón
xamóns

thịt ba rọi

M
touciño
touciños

xúc xích

F
salchicha
salchichas

thịt gà tây

M
pavo
pavos

thịt gà

M
polo
polos

thịt bò

F
vaca
vacas

thịt heo

M
porco
porcos

thịt cừu

M
cordeiro
cordeiros

bí ngô

F
cabaza
cabazas

nấm

M
cogomelo
cogomelos

nấm cựa

F
trufa
trufas

tỏi

M
allo
allos

tỏi tây

M
porro
porros

gừng

M
xenibre
xenibres

cà tím

F
berenxena
berenxenas

khoai lang

F
pataca doce
patacas doces

cà rốt

F
cenoria
cenorias

dưa chuột

M
cogombro
cogombros

ớt

M
pemento picante
pementos picantes

ớt chuông

M
pemento
pementos

củ hành

F
cebola
cebolas

khoai tây

F
pataca
patacas

bông cải trắng

F
coliflor
coliflores

bắp cải

M
repolo
repolos

bông cải xanh

M
brócoli
brócolis

xà lách

F
leituga
leitugas

rau chân vịt

F
espinaca
espinacas

tre

M
bambú
bambús

ngô

M
millo
millos

cần tây

M
apio
apios

đậu Hà Lan

M
chícharo
chícharos

hạt đậu

F
faba
fabas

quả lê

F
pera
peras

quả táo

F
mazá
mazás

quả ô liu

F
oliva
olivas

quả sung

M
figo
figos

quả chà là

M
dátil
dátiles

quả dừa

M
coco
cocos

quả hạnh nhân

F
améndoa
améndoas

hạt phỉ

F
abelá
abelás

đậu phộng

M
cacahuete
cacahuetes

quả chuối

M
plátano
plátanos

quả xoài

F
manga
mangas

quả kiwi

M
kiwi
kiwis

quả bơ

M
aguacate
aguacates

quả dứa

F
piña
piñas

dưa hấu

F
sandía
sandías

quả nho

F
uva
uvas

dưa gang

M
melón
melóns

quả mâm xôi

F
framboesa
framboesas

quả việt quất

M
arando
arandos

quả dâu tây

M
amorodo
amorodos

quả anh đào

F
cereixa
cereixas

quả mận

F
ameixa
ameixas

quả mơ

M
albaricoque
albaricoques

quả đào

M
pexego
pexegos

quả chanh

M
limón
limóns

quả bưởi

M
pomelo
pomelos

quả cam

F
laranxa
laranxas

cà chua

M
tomate
tomates

bạc hà

F
menta
mentas

sả

F
herba limoeira
herbas limoeiras

quế

F
canela
canelas

vani

F
vainilla
vainillas

muối

M
sal
sales

tiêu

F
pementa
pementas

cà ri

M
curry
currys

thuốc lá
thực vật

M
tabaco
tabacos

đậu hũ

M
tofu
tofu

giấm

M
vinagre
vinagres

mì sợi

M
fideo
fideos

sữa đậu nành

M
leite de soia
leites de soia

bột mì

F
fariña
fariñas

gạo

M
arroz
arroses

yến mạch

F
avea
aveas

lúa mì

M
trigo
trigos

đậu nành

F
soia
soias

hạt

F
noz
noces

mật ong

M
mel
meles

mút

F
marmelada
marmeladas

kẹo cao su

F
goma de mascar
gomos de mascar

bánh kẹp

F
filloa
filloas

bánh quy

F
galleta
galletas

bánh pudding

M
pudin
pudins

bánh muffin

F
magdalena
magdalenas

bánh rán vòng

F
rosca
rosclas

nước tăng lực

F
bebida enerxética
bebidas enerxéticas

nước cam

M
zume de laranxa
zumes de laranxa

nước táo

M
zume de mazá
zumes de mazá

sữa lắc

M
batido
batidos

coca cola

F
cola
colas

sô cô la nóng

M
chocolate quente
chocolates quentes

rượu cocktail

M
cóctel
cócteis

rượu rum

M
ron
rons

rượu whisky

M
whisky
whiskys

rượu vodka

M
vodka
vodkas

thực đơn

M
menú
menús

hải sản

M
marisco
mariscos

mì Ý

M
espaguetes
espaguetes

sushi

M
sushi
sushis

bắp rang bơ

M
flocos de millo
flocos de millo

khoai tây lát mỏng

F
patacas fritas de bolsa
patacas fritas de bolsa

cánh gà

F
ás de polo
ás de polo

khoai tây chiên

F

patacas fritas
patacas fritas

mù tạt

F

mostaza
mostazas

sốt mayonnaise

F

maionesa
maionesas

nước sốt cà chua

F

salsa de tomate
salsas de tomate

bánh mì kẹp

M

sándwich
sándwichs

bánh mì kẹp xúc xích

M

bocadillo de salchicha
bocadillos de salchicha

bánh burger

F

hamburguesa
hamburguesas

Trường học

sách

M
libro
libros

thư viện

F
biblioteca
bibliotecas

bài tập về nhà

M
deberes
deberes

bài thi

M
exame
exames

bài học

F
clase
clases

khoa học

F
ciencia
ciencias

lịch sử

F
historia
historias

nghệ thuật

F
arte
artes

cây bút

F
pluma
plumas

bút chì

M
lapis
lapis

thứ nhất

M
primeiro
primeiros

thứ hai
2

M
segundo
segundos

thứ ba
3

M
terceiro
terceiros

thứ tư
4

M
cuarto
cuartos

ngiên cứu

F
investigación
investigacións

bằng cấp

M
grao
graos

sân thể thao

F
cancha
canchas

từ điển

M
diccionario
diccionarios

học kì

M
trimestre
trimestres

sổ tay

F
libreta
libretas

hình học

F
xeometría
xeometrías

chính trị học

F
ciencias políticas
ciencias políticas

triết học

F
filosofía
filosofías

kinh tế học

F
economía
economías

giáo dục thể chất

F
educación física
educacións físicas

sinh học

F
bioloxía
bioloxías

toán học

F
matemáticas
matemáticas

địa lý

F
xeografía
xeografía

văn học

F
literatura
literaturas

hóa học

F
química
químicas

vật lý

F
física
físicas

cái thước

F
regra
regras

cục tẩy

F
goma de borrar
gomas de borrar

cái kéo

F
tesoiras
tesoiras

băng dính

F
cinta adhesiva
cintas adhesivas

keo dán

M
pegamento
pegamentos

bút bi

^M
bolígrafo
bolígrafos

kẹp giấy

^M
clip
clips

3%

tres por cento

100%

cen por cento

0%

cero por cento

mét khối

^M
metro cúbico
metros cúbicos

mét vuông

^M
metro cadrado
metros cadrados

dặm

^F
milla
millas

mét

^M
metro
metros

mi-li-mét

^M
milímetro
milímetros

xen-ti-mét

^M
centímetro
centímetros

đề-xi-mét

^M
decímetro
decímetros

phép cộng

F
suma
sumas

phép trừ

F
resta
restas

phép nhân

F
multiplicación
multiplicaciones

phép chia

F
división
divisiones

diện tích

F
área
áreas

thể tích

M
volume
volumes

hình chữ nhật

M
rectángulo
rectángulos

hình vuông

M
cadrado
cadrados

tam giác

M
triángulo
triángulos

hình tròn

M
círculo
círculos

lít

M
litro
litros

mililít

M
mililitro
mililitros

tấn

F
tonelada
toneladas

kilôgam

M
quilogramo
quilogramos

gram

M
gramo
gramos

nam châm

M
imán
imáns

kính hiển vi

M
microscopio
microscopios

cái phễu

M
funil
funís

phòng thí nghiệm

M
laboratorio
laboratorios

bài giảng

F
conferencia
conferencias

Thiên nhiên

tro

F
cinza
cinzas

lửa

M
lume
lumes

kim cương

M
diamante
diamantes

mặt trăng

F
Lúa
Lúas

mặt trời

M
Sol
Soles

ngôi sao

F
estrela
estrelas

hành tinh

M
planeta
planetas

bờ biển
biển

F
costa
costas

hồ

M
lago
lagos

rừng

M
bosque
bosques

sa mạc

M
deserto
desertos

đồi núi

M
outeiro
outeiros

đá
danh từ

F
rocha
rochas

con sông

M
río
ríos

thung lũng

M
val
vales

núi

F
montaña
montañas

đảo

F
illa
illas

đại dương

M
océano
océanos

biển

M
mar
mares

băng

M
xeo
xeos

tuyết

F
neve
neves

bão táp

F
tormenta
tormentas

mưa

F
chuvia
chuvias

gió

M
vento
ventos

cây

F
árbore
árbores

cỏ

M
césped
céspedes

hoa hồng

F
rosa
rosas

hoa

F
flor
flores

kim loại

M
metal
metais

đất

F
terra
terras

dung nham

F
lava
lavas

than

M
carbón
carbóns

cát

F
area
areas

đất sét

F
arxila
arxilas

tên lửa

M
foguete
foguetes

vệ tinh

M
satélite
satélites

thiên hà

F
galaxia
galaxias

tiểu hành tinh

M
asteroide
asteroides

lục địa

M
continente
continentes

đường Xích đạo

M
ecuador
ecuadores

Nam cực

M
polo sur
polos sur

Bắc cực

M
polo norte
polos norte

suối

F
corrente
correntes

rừng nhiệt đới

F
selva tropical
selvas tropicais

hang

F
cova
covas

thác nước

F
fervenza
fervenzas

bờ biển
con sông

F
beira
beiras

sông băng

M
glaciar
glaciares

động đất

M
terremoto
terremotos

miệng núi lửa

M
cráter
cráteres

núi lửa

M
volcán
volcáns

khí quyển

F
atmosfera
atmosferas

lũ lụt

F
inundación
inundacións

sương mù
danh từ

F
néboa
néboas

cầu vồng

M
arco da vella
arcos da vella

tiếng sấm

M
trono
tronos

tia chớp

M
lóstrego
lóstregos

cơn dông

F
treboada
treboadas

nhệt độ

F
temperatura
temperaturas

bão nhiệt đới

M
tifón
tifóns

bão

M
furacán
furacáns

mây

F
nube
nubes

cành cây

F
rama
ramas

lá cây

F
folla
follas

rễ cây

F
raíz
raíces

thân cây

M
tronco
troncos

hạt giống

F
semiente
sementes

nhựa

M
plástico
plásticos

cacbon điôxít

M
dióxido de carbono
dióxidos de carbono

nguyên tử

M
átomo
átomos

sắt

M
ferro
ferros

ôxy

M
osígeno
osíxenos

vàng

M
ouro
ouros

bạc

F
prata
pratas

Giao thông

xe hơi

M
coche
coches

xe buýt

M
bus
buses

xe lửa

M
tren
trens

ga xe lửa

F
estación de tren
estaciones de tren

trạm dừng xe buýt

F
parada de bus
paradas de buses

máy bay

M
avión
aviones

tàu

M
barco
barcos

xe tải

M
camión
camiones

xe đạp

F
bicicleta
bicicletas

xe mô tô

F
moto
motos

xe taxi

M
taxi
taxis

đèn giao thông

M
semáforo
semáforos

bãi đậu xe

M
aparcamento
aparcamentos

đường
xe hơi

F
rúa
rúas

ắc quy

F
batería
baterías

động cơ
xe hơi

M
motor
motores

túi khí

M
airbag
airbags

vô-lăng

M
volante
volantes

dây an toàn

M
cinto de seguridade
cintos de seguridade

lốp xe

M
pneumático
pneumáticos

cốp sau

M
maleteiro
maleteiros

máy bán vé

F
máquina expendedora de billetes
máquinas expendedoras de billetes

phòng bán vé

M
despacho de billetes
despachos de billetes

tàu điện ngầm

M
metro
metros

tàu cao tốc

M
tren de alta velocidade
trens de alta velocidade

đầu máy

F
locomotora
locomotoras

xe điện

M
tranvía
tranvías

xe buýt trường học

M
bus escolar
buses escolares

xe buýt nhỏ

M
microbús
microbuses

sân bay

M
aeroporto
aeropertos

hãng hàng không

F
compañía aérea
compañías aéreas

máy bay trực thăng

M
helicóptero
helicópteros

hạng nhất

F
primeira classe
primeiras clases

hạng phổ thông

F
clase económica
clases económicas

hạng thương gia

F
clase preferente
clases preferentes

áo phao

M
chaleco salvavidas
chalecos salvavidas

công ten nơ

M
contedor
contedores

tàu ngầm

M
submarino
submarinos

tàu du lịch

M
cruceiro
cruceiros

tàu chở hàng

M
buque portacontedores
buques portacontedores

du thuyền

M
iate
iates

phà

M
transbordador
transbordadores

hải cảng

M
porto
portos

xuồng cứu sinh

M
bote salvavidas
botes salvavidas

ra đa

M
radar
radares

đèn đường

F
farola
farolas

vĩa hè

F
beirarrúa
beirarrúas

trạm xăng

F
gasolineira
gasolineiras

công trường

F
obras
obras

vạch qua đường

M
paso de peóns
pasos de peóns

tắc đường

M
atasco
atacos

đường cao tốc

F
autoestrada
autoestradas

xe tăng

M
tanque
tanques

máy xúc

F
escavadora
escavadoras

máy kéo

M
tractor
tractores

rơ-moóc

M
remolque
remolques

xe tay ga

M
scooter
scooters

xe cáp treo

M
teleférico
teleféricos

Thành phố

bệnh viện

M
hospital
hospitais

trường học

F
escola
escolas

nhà ở

F
casa
casas

hóa đơn

F
factura
facturas

chợ

M
mercado
mercados

siêu thị

M
supermercado
supermercados

căn hộ

M
apartamento
apartamentos

trường đại học

F
universidade
universidades

nông trại

F
granxa
granxas

nhà thờ

F
igreja
igrejas

nhà hàng

M
restaurante
restaurantes

quán bar

M
bar
bares

phòng thể dục

M
ximnasio
ximnacios

công viên

M
parque
parques

nhà vệ sinh
đại cương

M
aseo
aseos

bản đồ

M
mapa
mapas

xe cứu thương

F
ambulancia
ambulancias

cảnh sát
đại cương

F
policía
policías

lính cứu hỏa
đại cương

M
bombeiros
bombeiros

quốc gia

M
país
países

ngoại ô

M
suburbio
suburbios

ngôi làng

F
aldea
aldeas

bảo hành

F
garantía
garantías

trung tâm mua sắm

M
centro comercial
centros comerciais

tiệm thuốc

F
farmacia
farmacias

tòa nhà chọc trời

M
rañaceos
rañaceos

lâu đài

M
castelo
castelos

đại sứ quán

F
embaixada
embaixadas

giáo đường Do Thái

F
sinagoga
sinagogas

ngôi đền

M
templo
templos

nhà máy

F
fábrica
fábricas

nhà thờ Hồi giáo

F
mesquita
mesquitas

tòa thị chính

M
concello
concellos

bưu điện

F
oficina de correos
oficinas de correos

đài phun nước

F
fonte
fontes

câu lạc bộ đêm

M
club nocturno
clubs nocturnos

băng ghế

M

banco

bancos

sân golf

M

campo de golf

campos de golf

sân bóng đá

M

estadio de fútbol

estadios de fútbol

hồ bơi

tòa nhà

F

piscina

piscinas

sân quần vợt

F

pista de tenis

pistas de tenis

thông tin du lịch

F

información turística

informacións turísticas

sòng bạc

M

casino

casinos

phòng triển lãm nghệ thuật

F

galería de arte

galerías de arte

bảo tàng

M

museo

museos

công viên quốc gia

M

parque nacional

parques nacionais

quà lưu niệm

M

recordo

recordos

thủy cung

M

acuario

acuarios

trượt nước

M
tobogán acuático
tobogáns acuáticos

tàu lượn siêu tốc

F
montaña rusa
montañas rusas

công viên nước

M
parque acuático
parques acuáticos

vườn bách thú

M
zoo
zoos

sân chơi

M
parque infantil
parques infantís

cửa thoát hiểm
tòa nhà

F
saída de emerxencia
saídas de emerxencia

chuông báo cháy

F
alarma de incendios
alarmas de incendios

bình cứu hỏa

M
extintor
extintores

đồn cảnh sát

F
comisaría
comisarías

tiểu bang

M
estado
estados

khu vực

F
rexión
rexións

thủ đô

F
capital
capitais

Bệnh viện

tai nạn

M
accidente
accidentes

bệnh nhân

M/F
paciente
pacientes

phẫu thuật

F
cirurxía
cirurxías

viên thuốc

F
pílula
pímulas

sốt

F
febre
febres

ho

F
tose
toses

phòng cấp cứu

F
urxencias
urxencias

khoa hồi sức tích cực

F
**unidade de coidados
intensivos**
unidades de coidados intensivos

phòng chờ

F
sala de espera
salas de espera

thuốc aspirin

F
aspirina
aspirinas

thuốc ngủ

F
pílula para dormir
pímulas para dormir

ngày hết hạn

F
data de caducidade
datas de caducidade

liều lượng

F
dosificación
dosificaciós

si-rô ho

M
xarope para a tose
xaropes para a tose

tác dụng phụ

M
efecto secundario
efectos secundarios

insulin

F
insulina
insulinas

bột

M
po
pos

viên nhộng

F
cápsula
cápsulas

vitamin

F
vitamina
vitaminas

thuốc giảm đau

M
analxésico
analxésicos

kháng sinh

M
antibiótico
antibióticos

vi khuẩn

F
bacteria
bacterias

vi rút

M
virus
virus

đau tim

M
infarto
infartos

tiêu chảy

F
diarrea
diarreas

tiểu đường

F
diabetes
diabetes

đột quỵ

M
derrame cerebral
derrames cerebrais

hen suyễn

F
asma
asma

ung thư

M
cáncer
cánceres

cúm

F
gripe
gripes

đau răng

F
dor de dentes
dores de dentes

cháy nắng

F
queimadura solar
queimaduras solares

viêm họng

F
dor de gorxa
dores de gorxa

đau bụng

F
dor de estômago
dores de estômago

nhiễm trùng

F
infección
infecciones

dị ứng

F
alergia
alergias

chuột rút

F
cambra
cambras

đau đầu

F
dor de cabeça
dores de cabeça

ống tiêm

F
xiringa
xíringas

nặng

F
muleta
muletas

chụp X quang

F
radiografía
radiografías

máy siêu âm

F
máquina de ultrasóns
máquinas de ultrasóns

bó bột
nhỏ bé

F
banda
bandas

xe lăn

F
cadeira de rodas
cadeiras de rodas

bó bột
gãy xương

F
escaiola
escaiolas

mạch

M
pulso
pulsos

chấn thương

F
lesión
lesións

cấp cứu

F
emerxencia
emerxencias

chấn động

F
concusión
concusións

vết bỏng

F
queimadura
queimaduras

gãy xương

F
fractura
fracturas

thuốc tránh thai

F
pílula anticonceptiva
pímulas anticonceptivas

thử thai

F
proba de embarazo
probas de embarazo

Nghề nghiệp

bác sĩ

M
doutor
doutores

y tá

F
enfermeira
enfermeiras

cảnh sát
người

M/F
policia
policías

tổng thống

M
presidente
presidentes

thuyền trưởng

M
capitán
capitáns

thám tử

M/F
detective
detectives

phi công

M
piloto
pilotos

giáo sư

M
profesor
profesores

giáo viên

M
mestre
mestres

luật sư

M
avogado
avogados

thư ký

F
secretaria
secretarias

trợ lý

M
asistente
asistentes

thẩm phán

M
xuíz
xuíces

quản lý

M
xestor
xestores

đầu bếp

M
cociñeiro
cociñeiros

tài xế taxi

M/F
taxista
taxistas

tài xế xe buýt

M
condutor de bus
condutores de bus

người mẫu

M
modelo
modelos

nghệ sĩ

M/F
artista
artistas

thủ tướng

M
primeiro ministro
primeiros ministros

dược sĩ

M
farmacéutico
farmacéuticos

lính cứu hỏa
người

M
bombeiro
bombeiros

nha sĩ

M/F
dentista
dentistas

doanh nhân

M
empresario
empresarios

chính trị gia

M
político
políticos

lập trình viên

M
programador
programadores

tiếp viên hàng không

F
azafata
azafatas

nhà khoa học

M
científico
científicos

giáo viên mầm non

F
mestra de preescolar
mestras de preescolar

kiến trúc sư

M
arquitecto
arquitectos

kế toán viên

M
contable
contables

tư vấn viên

M
consultor
consultores

công tố viên

M
fiscal
fiscais

tổng quản lý

M
director xeral
directores xerais

vệ sĩ

M/F
gardacostas
gardacostas

chủ nhà

M
propietario
propietarios

bồi bàn

M
camareiro
camareiros

nhân viên bảo vệ

M/F
garda de seguridade
gardas de seguridade

bộ đội

M
soldado
soldados

ngư dân

M
pescador
pescadores

nhân viên vệ sinh

M
limpador
limpadores

thợ sửa ống nước

M
fontaneiro
fontaneiros

thợ điện

M/F
electricista
electricistas

nông dân

M
granxeiro
granxeiros

lễ tân

M/F
repcionista
repcionistas

người đưa thư

M
carteiro
carteiros

thu ngân

M
caixeiro
caixeiros

thợ làm tóc

M
peiteador
peiteadores

tác giả

M
autor
autores

nhà báo

M/F
xornalista
xornalistas

nhiếp ảnh gia

M
fotógrafo
fotógrafos

nhân viên cứu hộ

M/F
socorrista
socorristas

ca sĩ

M/F
cantante
cantantes

nhạc sĩ

M
músico
músicos

diễn viên

M
actor
actores

phóng viên

M
reporteiro
reporteiros

huấn luyện viên

M
adestrador
adestradores

trọng tài

M
árbitro
árbitros

Kinh doanh

tiền

M
cartos
cartos

văn phòng

F
oficina
oficinas

áp lực

M
estrés
estrés

bảo hiểm

M
seguro
seguros

nhân viên
công ty

M
persoal
persoais

bộ phận

M
departamento
departamentos

lương

M
salario
salarios

địa chỉ

M
endereço
enderezos

lá thư

F
carta
cartas

số điện thoại

M
número de teléfono
números de teléfono

url

F
dirección url
direccións url

địa chỉ email

M
endereço de correo electrónico
enderezos de correo electrónico

trang mạng

F
página web
páginas web

thư điện tử

M
correo electrónico
correos electrónicos

chữ ký

F
sinatura
sinaturas

thua lỗ

F
perda
perdas

lợi nhuận

M
beneficio
beneficios

khách hàng

M/F
cliente
clientes

số tiền

F
suma
sumas

thẻ tín dụng

F
tarjeta de crédito
tarjetas de crédito

mật khẩu

M
contrasinal
contrasinais

máy rút tiền

M
caixeiro
caixeiros

thuế

M
imposto
impostos

phòng họp

F
sala de xuntas
salas de xuntas

danh thiếp

F

tarxeta de presentación
tarjetas de presentación

công nghệ thông tin

F

tecnoloxías da información
tecnologías da información

nhân sự

M

recursos humanos
recursos humanos

bộ phận pháp lý

M

departamento legal
departamentos legais

kế toán

F

contabilidade
contabilidades

tiếp thị

F

mercadotecnia
mercadotecnias

bán hàng

F

vendas
vendas

đồng nghiệp

M

compañeiro
compañeros

người sử dụng lao động

M

empregador
emplegadores

nhân viên
người

M

empregado
emplegados

chú thích

M

apuntamentos
apuntes

thuyết trình

F

presentación
presentaciones

bìa cứng

M
cartafol
cartafoles

con dấu cao su

M
selo de goma
selos de goma

máy chiếu

M
proyector
proyectores

bưu kiện

M
paquete
paquetes

con tem

M
selo
selos

phong bì

M
sobre
sobres

trình duyệt

M
navegador
navegadores

đầu tư

F
inversión
inversiones

sàn giao dịch chứng khoán

F
bolsa
bolsas

tiền giấy

M
billete
billetes

tiền xu

F
moeda
moedas

tiền lãi

M
interés
intereses

khoản vay

M
préstamo
préstamos

số tài khoản

M
número de conta
números de conta

tài khoản ngân hàng

F
conta bancaria
contas bancarias

Thiết bị

điện thoại

M
teléfono
teléfonos

bộ tivi

M
televisor
televisores

máy ảnh

F
cámara
cámaras

đài radio

F
radio
radios

quạt

M
ventilador
ventiladores

máy điều hòa

M
aire acondicionado
aires acondicionados

máy pha cà phê

F
cafeteira
cafeteiras

máy nướng bánh mì

F
torradora
torradoras

máy hút bụi

F
aspiradora
aspiradoras

máy sấy tóc

M
secador
secadores

ấm đun nước

M
caldeiro
caldeiros

máy rửa chén

M
lavalouza
lavalouzas

bếp điện

F
cociña
cociñas

lò nướng

M
forno
fornos

lò vi sóng

M
microondas
microondas

tủ lạnh

M
frigorífico
frigoríficos

máy giặt

F
lavadora
lavadoras

điều khiển từ xa

M
mando a distancia
mandos a distancia

tai nghe

M
auricular
auriculares

chuột

M
rato
ratos

bàn phím

M
teclado
teclados

ổ cứng

M
disco duro
discos duros

thanh USB

F
memoria USB
memorias USB

máy quét

M
escáner
escáneres

máy in

F
impresora
impresoras

màn hình

F
pantalla
pantallas

máy tính xách tay

M
portátil
portátiles

rô bốt

M
robot
robots

loa

M
altofalante
altofalantes

